TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN NAM TỪ LIÊM** THÀNH PHỐ HÀ NỘI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **284** /2023/HNGĐ-ST
Ngày: 13/7/2023
V/v: *Tranh chấp hôn nhân gia đình.*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN NAM TỪ LIÊM, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Trung Lập

Các Hội thẩm nhân dân : Ông Trần Quốc Sơn

Ông Nguyễn Việt Chiến

- Thư ký phiên toà: Bà Hoàng Kim Yến - Thư ký Tòa án nhân dân quận Nam Từ Liêm.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Nam Từ Liêm tham gia phiên toà: Ông Đỗ Hoàng Tân - Kiểm sát viên.

Ngày 13/7/2023, tại trụ sở Toà án nhân dân quận Nam Từ Liêm, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 624/2022/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 12 năm 2022, về việc:*"Tranh chấp Hôn nhân gia đình"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:74/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 27/6/2023, giữa:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị D, sinh năm 1988.

Đăng ký HKTT: Tổ dân phố số X, phường P, quận N, thành phố H.

Nơi cư trú: Phòng 28XX, Tòa SXXX V- đường T, phường T, quận N, thành phố H. (Có mặt)

Bị đơn: Anh Trần Tích T, sinh năm 1989.

Đăng ký HKTT: Tổ dân phố số X, phường P, quận N, thành phố H.

Nơi cư trú: Số nhà XX ngách XX đường L, TDP số X, phường P, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội. (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện đề ngày 11/11/2022 và bản tự khai trong quá trình giải quyết, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị D trình bày: Chị và anh Trần Tích T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu, đăng ký kết hôn ngày 12/10/2016 tại UBND phường P, quận N, thành phố H. Quá trình chung sống vợ chồng sống hạnh phúc đến khoảng tháng 12 năm 2021 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên mâu thuẫn, cãi vã, xúc phạm nhau. Chị và anh T sống ly thân kể từ tháng 3 năm 2022 cho tháng 7 năm 2022. Sau đó vợ chồng lại về chung sống với nhau đến khoảng tháng 11 năm 2022 thì xảy ra mâu thuẫn và chị D

chuyển ra ngoài ở riêng từ đó cho tới nay, mỗi người sống một nơi, không ai còn quan tâm tới ai. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị D xin được ly hôn với anh Trần Tích T. Về con chung: Chị và anh T có 01 con chung là: Cháu Trần Tùng L, sinh ngày 24/3/2017. Hiện tại, cháu L đang ở cùng với chị D. Sau khi ly hôn, chị D có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu L. Về cấp dưỡng: Chị D không yêu cầu anh T phải có trách nhiệm cấp dưỡng cho con. Hiện chị D là đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH thương mại và sản xuất TL, địa chỉ: Số XX Tổ dân phố số X, phường P, quận N, thành phố H. Thu nhập trung bình của chị D là: 20.000.000 đồng/tháng. Hiện chị D đã có nhà ở riêng tại phường P, quận N, thành phố H. Về tài sản chung và nợ chung: Chị D không yêu cầu Tòa giải quyết.

Trong các bản tự khai và trong quá trình giải quyết tại Tòa án, bị đơn là anh Trần Tích T trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị D kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu, đăng ký kết hôn ngày 12/10/2016 tại UBND phường P, quận N, thành phố H. Quá trình chung sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, có cãi vã, xúc phạm nhau nhưng chưa đến mức đổ trầm trọng. Anh T và chị D sống ly thân kể từ tháng 3 năm 2022 cho tháng 7 năm 2022 nhưng do chị D tự ý bỏ nhà đi. Sau đó vợ chồng lại về chung sống với nhau đến khoảng tháng 11 năm 2022 thì chị D tự chuyển ra ngoài ở riêng từ đó cho tới nay, mỗi người sống một nơi nhưng anh T vẫn quan tâm chăm sóc chị D và con chung. Anh T xác định vẫn còn tình cảm với chị D, đối với yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị D đối với anh thì anh T không đồng ý. Về con chung: Anh và chị D có 01 con chung là: Cháu Trần Tùng L, sinh ngày 24/3/2017. Hiện tại, cháu L đang ở cùng với chị D. Sau khi ly hôn, chị D có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu L và không đề nghị cấp dưỡng. Anh không đồng ý. Anh đề nghị được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu L và không đề nghị chị D phải cấp dưỡng cho cháu L. Hiện anh đang làm việc tại Công ty TNHH thương mại và sản xuất TL, địa chỉ: Số XX Tổ dân phố số X, phường P, quận N, thành phố H. Thu nhập trung bình của anh khoảng 17.000.000 đồng/tháng. Hiện anh đã có nhà ở riêng tại phường P, quận N, thành phố H. Về tài sản chung và nợ chung: Anh và chị D không yêu cầu Tòa giải quyết.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn là chị Nguyễn Thị D vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và đề nghị Tòa án cho chị được ly hôn với anh Trần Tích T. Chị D xin được nuôi con và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn là anh Trần Tích T xác định vẫn còn tình cảm với chị D, không đồng ý với yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị D. Về con chung, anh T có nguyện vọng nuôi con chung và không yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Nam Từ Liêm phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án: Sau khi thụ lý vụ án Thẩm phán, thư ký đã chấp hành đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: sau khi phân tích nội dung vụ án, đại diện viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn ly hôn của chị Nguyễn Thị D đối với anh Trần Tích T. Về con chung: đề nghị giao cháu Trần Tùng L cho chị Nguyễn Thị D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng sau khi ly hôn. Chị D không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên tạm hoãn cấp dưỡng nuôi con cho anh T cho đến khi có quyết định khác. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Nguyễn Thị D và anh Trần Tích T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên toà, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn là tranh chấp về ly hôn và nuôi con khi ly hôn, Bị đơn có nơi cư trú tại quận Nam Từ Liêm do vậy vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, Khoản 1 Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị D:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Nguyễn Thị D và anh Trần Tích T đăng ký kết hôn ngày 12/10/2016 tại UBND phường P, quận N, thành phố H trên cơ sở tự nguyện là hôn nhân hợp pháp. Căn cứ vào lời khai và các tài liệu, chứng cứ nguyên đơn, bị đơn cung cấp cho Tòa án và các tài liệu Tòa án xác minh tại nơi cư trú của chị D và anh T, có đủ cơ sở để xác định: Vợ chồng chị D và anh T có mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do chị D, anh T bất đồng quan điểm sống, thường xuyên mâu thuẫn, cãi vã, xúc phạm nhau. Chị D và anh T sống ly thân kể từ tháng 3 năm 2022 cho tháng 7 năm 2022. Sau đó vợ chồng về chung sống với nhau đến khoảng tháng 11 năm 2022 lại xảy ra mâu thuẫn và chị D chuyển ra ngoài ở riêng từ đó cho tới nay, mỗi người sống một nơi, không ai còn quan tâm tới ai. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa cả chị D xác định hai vợ chồng không thể tiếp tục chung sống được, anh T khẳng định vẫn còn tình cảm với chị D, không đồng ý ly hôn. Tòa án cũng đã hòa giải nhiều lần nhưng chị D cương quyết xin ly hôn. Xét thấy: chị D và anh T đã ly thân một thời gian dài, cả hai bên đều không thực hiện các nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, có đủ căn cứ

để chấp nhận đơn khởi kiện của Nguyên đơn, cho chị D được ly hôn với anh T là phù hợp với quy định tại Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

- *Về con chung*: Chị Nguyễn Thị D và anh Trần Tích T có 01 con chung là: Cháu Trần Tùng L, sinh ngày 24/3/2017. Chị D hiện tại là đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH thương mại và sản xuất TL, địa chỉ: Số XX Tổ dân phố số X, phường P, quận N, thành phố H. Chị D đã cung cấp cho Tòa án xác nhận lương và thu nhập trung bình là: 20.000.000 đồng/tháng và đã có nhà ở riêng. Anh T khai đang đang làm việc cùng Công ty TNHH thương mại và sản xuất TL, địa chỉ: Số XX Tổ dân phố số X, phường P, quận N, thành phố H, thu nhập hàng tháng là 17.000.000 đồng/tháng và đã có nhà ở riêng nhưng không xuất trình được tài liệu chứng cứ chứng minh về thu nhập và nơi ở đảm bảo việc nuôi con cho Tòa án. Tòa án đã tham khảo ý kiến của cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em là Phòng Lao động, thương binh và xã hội quận Nam Từ Liêm có đề nghị Tòa án giao cháu Trần Tùng L cho chị Nguyễn Thị D nuôi dưỡng để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp tốt nhất cho cháu. Xét thấy: về công việc và thu nhập của chị D có điều kiện chăm sóc con, có thể đảm bảo việc nuôi dạy con sau khi ly hôn, anh T không xuất trình được tài liệu chứng cứ chứng minh về thu nhập và nơi ở đảm bảo việc nuôi con cho Tòa án. Do vậy giao cháu L cho chị D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng sau khi ly hôn là đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho cháu L, cháu L không bị thay đổi, xáo trộn cuộc sống là phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình. Chị D không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên tạm hoãn cấp dưỡng nuôi con đối với anh T cho đến khi có quyết định khác.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Chị D và anh T không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét.

[3] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phù hợp với các nhận định của Hội đồng xét xử.

[4] *Về án phí:* Chị Nguyễn Thị D phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại Điểm a Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

[5] Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị D và anh Trần Tích T được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 56 và các Điều 57, 81, 82, 83, 110, 117 của Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 28, Khoản 1 Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 39 và các điều 266, 273, 275 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điểm a Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2015/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án;

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Nguyễn Thị D, cho chị Nguyễn Thị D được ly hôn với anh Trần Tích T.

- Về con chung: Chị Nguyễn Thị D và anh Trần Tích T có một con chung là cháu Trần Tùng L, sinh ngày 24/3/2017. Giao cháu Trần Tùng L cho chị Nguyễn Thị D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng sau khi ly hôn. Chị D không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên tạm hoãn cấp dưỡng nuôi con đối với anh T cho đến khi có quyết định khác.

Anh Trần Tích T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được quyền ngăn cản.

- Về tài sản chung và vay nợ chung: Chị Nguyễn Thị D và anh Trần Tích T không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy Tòa án không xem xét.

- Về án phí: Chị Nguyễn Thị D phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị D đã nộp theo biên lai số: AA/2020/0034938 ngày 16/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Nam Từ Liêm. Chị D đã nộp đủ án phí.

- Chị Nguyễn Thị D và anh Trần Tích T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận :
- TAND Tp. Hà Nội;
- VKS Q. Nam Từ Liêm,
- VKS Tp. Hà Nội;
- Chi cục THADS Q. Nam Từ Liêm;
- Các đương sự;
- UBND phường P, quận N, thành phố H để ghi vào sổ hộ tịch (số 57, quyển số 01/2016 ngày 12/10/2016);
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Nguyễn Trung Lập